BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /TB-ĐHSĐ

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO
V/v bán thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi của Trường Đại học Sao Đỏ

Căn cứ Luật Quản lý tài sản công số 17/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 198/2025/2512049.A/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Công ty cổ phần Tư vấn và thẩm định Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-ĐHSĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc phê duyệt giá và phương thức bán thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi của Trường Đại học Sao Đỏ.

Trường Đại học Sao Đỏ thông báo bán thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi như sau:

1. Tổ chức thực hiện bán tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi.

- Cơ quan có tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi bán: Trường Đại học Sao Đỏ.

- Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

- Danh mục tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi bán thanh lý: Có danh mục chi tiết đính kèm.

- Giá bán thanh lý: **465.814.000** đồng *(bằng chữ: bốn trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng);*.

- Phương thức bán: bán theo phương thức chỉ định (bán thanh lý theo lô, không bán riêng lẻ)

- Hình thức nộp tiền: Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Thời gian thực hiện: Thực hiện thông báo công khai tại trụ sở Trường Đại học Sao Đỏ (địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng); đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Trường Đại học Sao Đỏ và thực hiện bán cho người đầu tiên nộp văn bản đề nghị mua tài sản (theo mẫu đính kèm). Thời hạn thông báo công khai là 05 ngày làm việc, kể từ ngày 19/01/2026 đến 17 giờ 00 ngày 23/01/2026. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị mua tài sản của người đầu tiên, thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản với người mua theo quy định.

2. Quy định những người sau đây không được tham gia mua chỉ định tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi.

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký mua tài sản không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình

b) Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản; người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

c) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm b khoản này.

3. Chi tiết thông tin liên hệ.

- Phòng Kế hoạch và Tài chính - Trường Đại học Sao Đỏ *(trong giờ hành chính).*

- Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

- Điện thoại: 0986763600

Lưu ý:

- Các đơn vị, tổ chức, cá nhân đến đăng ký mua thanh lý tài sản phải mang theo giấy tờ sau:

+ Giấy giới thiệu/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và CCCD/Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng (Áp dụng riêng đối với người mua là cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp).

+ CCCD/Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng (Áp dụng riêng đối với người mua là cá nhân).

Trường Đại học Sao Đỏ thông báo để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi thanh lý biết, tham gia./.

Nơi nhận:
- Niêm yết tại bảng thông báo;
- Website;
- Lưu: VT, KH&TC.

T/M. HỘI ĐỒNG THANH LÝ TÀI SẢN, CCDC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TS. Nguyễn Minh Tuấn

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA TÀI SẢN

1. Tên cá nhân đăng ký mua: .....(1)

2. Số CCCD: .....

Ngày cấp: .....; Nơi cấp: .....

3. Tên đơn vị đăng ký mua: .....(2)

Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....

Ngày cấp: .....; Nơi cấp: .....

Mã số thuế: .....

Đại diện bởi: .....; Chức vụ: .....

4. Địa chỉ: .....

5. Điện thoại liên hệ: .....

6. Tôi/Chúng tôi xin đăng ký mua tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi của Quý Trường đúng theo các nội dung của Thông báo số ...../TB-ĐHSĐ ngày .... tháng .... năm 2026 và cam kết sẽ thanh toán đầy đủ giá trị của tài sản.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ MUA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Áp dụng riêng đối với người mua là cá nhân

- (2) Áp dụng riêng đối với người mua là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.

PHỤ LỤC
DANH MỤC TÀI SẢN, CÔNG CỤ DỤNG CỤ,
VẬT TƯ THU HỒI BÁN THANH LÝ
(kèm theo Thông báo số 10 /TB- ĐHSĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026)

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Máy công cụ				
1	Máy cắt đột liên hợp CD-13	Chiếc	01	3.770.000	3.770.000
2	Máy mài phẳng RPO320 số70242 Ru Ma Ni	cái	01	8.301.000	8.301.000
3	Máy mài Liên xô 30020	Cái	01	3.457.000	3.457.000
4	Máy phay ngang HungFU32	Cái	01	5.843.000	5.843.000
5	Máy phay Ba Lan FWD32 số 7969	Cái	01	5.152.000	5.152.000
6	Máy tiện Đài Loan (tặng)	Bộ	12	4.818.000	57.816.000
7	Máy tiện NAMSUN	Bộ	01	5.644.000	5.644.000
8	Máy tiện WHACHEON	Cái	01	6.493.000	6.493.000
9	Máy bào B365 số 59164-VN	Cái	01	3.148.000	3.148.000
10	Máy cắt tôn	Cái	01	2.737.000	2.737.000
11	Máy cưa cần Liên Xô 4618	Cái	01	3.256.000	3.256.000
12	Máy gấp 1500 mm	Cái	01	1.411.000	1.411.000
13	Máy khoan CH-16 No131278	Chiếc	01	2.715.000	2.715.000
14	Máy khoan đảo chiều	Cái	01	830.000	830.000
15	Máy mài 2 đá	Chiếc	09	182.000	1.638.000
16	Máy phay Đức FU250x100 số máy 272168	Cái	01	1.133.000	1.133.000
17	Máy tiện 1K62Max1100LX- 18872 90272	Chiếc	01	6.040.000	6.040.000
18	Máy uốn ống nằm	Cái	01	420.000	420.000
19	Máy chặt thuỷ lực	Cái	01	939.000	939.000
20	Máy chặt Liên Xô	Cái	01	939.000	939.000
21	Máy chặt đế vát 4 - 6	Cái	01	939.000	939.000
22	Máy chặt	Cái	02	939.000	1.878.000
23	Máy đốt chỉ	Cái	02	282.000	564.000
24	Máy đánh chỉ	Cái	01	441.000	441.000
25	Máy ép hông1	Cái	01	556.000	556.000
26	Máy ép hông	Cái	01	556.000	556.000
27	Máy ép đế 5	Cái	01	556.000	556.000
28	Máy ép Insole	Cái	01	556.000	556.000
29	Máy ép tẩy Insole	Cái	01	556.000	556.000
30	Máy ép dán tẩy	Cái	01	556.000	556.000
31	Máy ép tẩy	Cái	01	556.000	556.000
32	Máy ép hông	Cái	04	556.000	2.224.000
33	Máy ép đệm gót	Cái	02	556.000	1.112.000
34	Máy ép thủy lực	Cái	01	7.973.000	7.973.000
35	Máy ép tẩy 1	Cái	01	574.000	574.000
36	máy ép tẩy 2	Cái	01	574.000	574.000
37	Máy ép phẳng mũi giày	Cái	01	697.000	697.000
38	Máy ép nhiệt tem nhãn	Cái	04	253.000	1.012.000
39	Máy ép cao tầng	Cái	01	239.000	239.000
40	Máy ép nhiệt	Cái	01	597.000	597.000
41	Máy ép đứng 2 đầu ép	Cái	02	1.595.000	3.190.000

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
42	Máy ép đế	Cái	01	1.595.000	1.595.000
43	Máy ép đế	Cái	01	1.595.000	1.595.000
44	Máy ép Logo thủy lực	Cái	01	1.595.000	1.595.000
45	Máy ép đế YingHui	Cái	01	1.595.000	1.595.000
46	Máy pho keo mũi	Cái	02	774.000	1.548.000
47	Máy in nhiệt	Cái	04	227.000	908.000
48	Máy đánh số Liên Xô	Cái	01	372.000	372.000
49	Máy đánh số Liên Xô	Cái	01	372.000	372.000
50	Máy dập bìa (gấp mép)	Cái	02	1.051.000	2.102.000
51	Máy dập bìa Textima	Cái	04	1.051.000	4.204.000
52	Máy dập bìa Textima	Cái	01	1.051.000	1.051.000
53	Máy dập hộp	Cái	01	1.051.000	1.051.000
54	Máy gấp hộp	Cái	03	1.051.000	3.153.000
55	Máy tán quai cài	Cái	01	1.248.000	1.248.000
56	Máy tán khoá cài	Cái	01	1.248.000	1.248.000
57	Máy tán Rivê + Khoá móc	Cái	04	368.000	1.472.000
58	Máy tán ô dê	Cái	02	368.000	736.000
59	Máyđục lỗ ôzê	Cái	02	368.000	736.000
60	Máy đục lỗ o dê và tán	Cái	03	368.000	1.104.000
61	Máy lạng da	Cái	01	782.000	782.000
62	Máy lạng da	Cái	02	782.000	1.564.000
63	Máy lạng lót gót Nippy (da)	Cái	02	782.000	1.564.000
64	Máy lạng đế	Cái	02	782.000	1.564.000
65	Băng chuyền gò giày vải	Cái	03	763.000	2.289.000
66	Băng chuyền tẩy + HT điện	Cái	01	763.000	763.000
67	Quang V/C BTP từ PX chặt lên may	Cái	01	797.000	797.000
68	Băng tải chuyền phom 400mm băng chuyền	Cái	02	789.000	1.578.000
69	Băng chuyền xủ lý đế	Cái	01	789.000	789.000
70	Băng chuyền đưa giày vào lò hấp	Cái	01	789.000	789.000
71	Băng chuyền quét nước rửa	Cái	01	789.000	789.000
72	Băng chuyền hoàn tất	Cái	02	789.000	1.578.000
73	Băng tải 12m SX đế PU	Cái	01	789.000	789.000
74	Chuyền dán ép + chuyền đưa phôi lên gác	Cái	01	789.000	789.000
75	Băng chuyền tốc độ nhanh	Cái	02	789.000	1.578.000
76	Băng chuyền Phom	Cái	01	789.000	789.000
77	Băng chuyền	Cái	04	789.000	3.156.000
78	Băng chuyền sấy inole	Cái	01	789.000	789.000
79	Băng tải mắt cáo	Cái	02	789.000	1.578.000
80	Chuyền ddưa mũ giày May- Gò	Cái	01	789.000	789.000
81	Thùng xấy định hình giày	Cái	02	404.000	808.000
82	Thùng hấp giày mẫu	Cái	01	404.000	404.000
83	Máy gò mũi	Cái	01	554.000	554.000
84	Máy gò gót	Cái	01	554.000	554.000
85	Máy gò gót YS- 319	Cái	01	554.000	554.000
86	Máy gò hông 2	Cái	01	554.000	554.000
87	Máy gò hông 3	Cái	01	554.000	554.000
88	Máy gò hông	Cái	01	554.000	554.000

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
89	Máy gò hông	Cái	01	554.000	554.000
90	Máy gò xiên	Cái	01	554.000	554.000
91	Máy định hình tẩy YINGHUI	Cái	01	554.000	554.000
92	Máy định hình tẩy	Cái	01	554.000	554.000
93	Máy định hình gót	Cái	01	554.000	554.000
94	Máy pho mũi YNGHUI	Cái	02	554.000	1.108.000
95	Máy pho keo	Cái	02	554.000	1.108.000
96	Máy nhúng keo	Cái	01	944.000	944.000
97	Máy nhúng keo	Cái	01	944.000	944.000
98	Máy lăn keo	Cái	01	944.000	944.000
99	Máy lăn keo nhỏ	Cái	01	944.000	944.000
100	Máy lấy dấu bôi keo	Cái	01	532.000	532.000
101	Máy tráng keo	Cái	02	1.413.000	2.826.000
102	Máy cuốn viền	Cái	01	548.000	548.000
103	Máy quậy keo	Cái	02	548.000	1.096.000
104	Máy quậy keo NTT	Cái	02	548.000	1.096.000
105	Máy nấu keo	Cái	04	548.000	2.192.000
106	Máy dán hài thầu	Cái	01	548.000	548.000
107	Máy mài	Cái	01	548.000	548.000
108	Máy mài bánh cước sắt 3	Cái	01	271.000	271.000
109	Máy mài bánh cước sắt 4	Cái	01	271.000	271.000
110	Máy mài đế đứng	Cái	01	271.000	271.000
111	Máy mài phớt thép	Cái	01	271.000	271.000
112	Máy mài da	Cái	01	271.000	271.000
113	Máy mài chép hình	Cái	02	271.000	542.000
114	Máy mài đế ngang	Cái	01	271.000	271.000
115	Máy mài nhám	Cái	01	271.000	271.000
116	Máy hút bụi đế 1	Cái	01	122.000	122.000
117	Máy hút bụi 4	Cái	01	122.000	122.000
118	Hệ thống quạt thông gió	Cái	01	274.000	274.000
119	Hệ thống hút bụi lớn 36hp- tổ mài	Cái	01	894.000	894.000
120	Hệ thống hút bụi hút hơI độc	Cái	01	226.000	226.000
121	Máy làm sạch	Cái	01	184.000	184.000
122	Máy lấy dấu đế	Cái	02	184.000	368.000
123	Máy đóng đinh gót	Cái	01	184.000	184.000
124	Máy đóng đinh YINGHUI	Cái	03	184.000	552.000
125	Máy đóng đinh gót	Cái	01	184.000	184.000
126	Máy đóng đinh gót	Cái	02	184.000	368.000
127	Máy làm xẹp gót	Cái	01	184.000	184.000
128	Máy đính nơ mũ giầy	Cái	02	184.000	368.000
129	Máy cán vải, cán mouse	Cái	03	122.000	366.000
130	Máy cắt vải cuộn	Cái	01	702.000	702.000
131	Máy xếp vải viền	Cái	01	702.000	702.000
132	Máy kiểm tra vải	Cái	01	702.000	702.000
133	Máy đóng đai thùng	Cái	01	702.000	702.000
134	Xe nâng trục đế	Cái	01	532.000	532.000
135	Máy cưa vòng	Cái	01	532.000	532.000

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
136	Máy ói một màu	Cái	01	532.000	532.000
137	Trục máy cán	Cái	02	532.000	1.064.000
138	Bơm cứu hoả + dụng cụ PCCC	Cái	04	189.000	756.000
139	Máy bơm cứu hoả	Cái	03	189.000	567.000
140	Máy Massage	Cái	01	189.000	189.000
141	Máy bọc tẩy	Cái	01	532.000	532.000
142	Dàn máy ghim tẩy	Cái	02	532.000	1.064.000
143	Máy vệ sinh giầy	Cái	08	532.000	4.256.000
144	Máy xấy gót mini	Cái	03	532.000	1.596.000
145	Máy diệt khuẩn	Cái	02	532.000	1.064.000
146	Máy dập mũ giày	Cái	01	532.000	532.000
147	Tời nâng hàng	Cái	01	532.000	532.000
148	Chuyền may con lăn	Cái	04	466.000	1.864.000
149	Máy lên keo	Cái	01	532.000	532.000
150	Máy mài 2 chức năng	Cái	01	532.000	532.000
151	Máy mài mài mép	Cái	02	532.000	1.064.000
152	Máy mài ngang	Cái	02	532.000	1.064.000
153	Máy Massge bim	Cái	02	532.000	1.064.000
154	Máy cắt vải da	Cái	01	532.000	532.000
155	Máy đánh chỉ TRAIASWWAY	Cái	01	532.000	532.000
156	Máy nhúng hoá chất	Cái	04	532.000	2.128.000
157	Máy định vị NewYuMin	Cái	01	532.000	532.000
158	Maáy tán nút o dê	Cái	03	326.000	978.000
159	Máy tán ô dê	Cái	09	326.000	2.934.000
160	Máycắt viền	Cái	01	326.000	326.000
161	Ru lô cắt xéo	Cái	01	326.000	326.000
162	Máy xén mép da	Cái	02	548.000	1.096.000
163	Máy cà rẽ	Cái	02	272.000	544.000
164	Máy ép chữ thập	Cái	02	181.000	362.000
165	Máy ép tẩy đế VN	Cái	01	328.000	328.000
166	Máy lạnh TOPHOP	Cái	01	328.000	328.000
167	Máy bật nắp cọ rửa bình 5 Gallon; Máy nén khí: 1.5 Hp kèm theo	Cái	01	376.000	376.000
168	Máy hàn thanh lý	Cái	32	122.000	3.904.000
169	Máy nén khí	Cái	02	122.000	244.000
170	Máy nén lạnh 1 cấp	Cái	02	224.000	448.000
171	Máy phát điện	cái	02	197.000	394.000
172	Động cơ khoa ôtô	Cái	01	194.000	194.000
173	Zin 130 (Mô hình thực tập) 62-39	Cái	01	3.058.000	3.058.000
174	Zin130 (Mô hình thực tập) 32-28	Cái	01	3.058.000	3.058.000
	TB ngành may				
1	Máy đính cúc Brother	Cái	01	133.000	133.000
2	Máy thùa 791 -1JUKI(JAPAN)	Cái	01	774.000	774.000
3	Máy dẫy da Protex	Cái	01	185.000	185.000
4	Máy may brother cắt chỉ tự động	Cái	01	66.000	66.000
5	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ protex	Cái	03	66.000	198.000
6	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ JUKIMO 2316	Cái	01	66.000	66.000

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	Máy may 1 kim Juki ĐL-5550 đầu vuông	Cái	164	66.000	10.824.000
8	Máy may KM 2353	Cái	01	66.000	66.000
9	Máy may 1 kim (JUKI 8700-7)	Chiếc	04	66.000	264.000
10	Máy may 1 kim Juki-8700 DDL	Chiếc	04	66.000	264.000
	Máy bơm và động cơ				
1	Máy bơm chuyên dụng thả chìm 7,5KW	Cái	01	213.000	213.000
2	Máy bơm ly tâm trục ngang 32-1600	Cái	01	166.000	166.000
3	Máy bơm ly tâm trục ngang 65-125A	Cái	01	166.000	166.000
4	Động cơ máy may	Cái	20	57.000	1.140.000
5	Máy bơm chìm KT nước ngầm Italy IR 48-5	Cái	01	166.000	166.000
6	Cụm máy bơm hỏng	Cái	01	166.000	166.000
	Thiết bị văn phòng, điện tử				
1	Bộ âm ly 3600-OMATON	Cái	01	44.000	44.000
2	Bộ điều khiển trung tâm	Bộ	01	44.000	44.000
3	Loa cây JBL 2 bát40+Micro không dây+Micro để bàn (2 loa, 2 mic, 1 bộ để bàn)	Cái	01	55.000	55.000
4	Loa cột	Cái	04	40.000	160.000
5	Máy chiếu đa năng các loại	Cái	09	24.000	216.000
6	Máy điều hòa	Cái	10	88.000	880.000
7	Điều hòa âm trần 1 chiều (cục nóng)	Bộ	09	88.000	792.000
8	Máy Scan HP N6350	Cái	01	27.000	27.000
9	Máy in kim Oki ML 791	Chiếc	01	27.000	27.000
10	Máy in mã vạch Zebra	Chiếc	01	27.000	27.000
11	Máy in thẻ bạn đọc Zebra P310	Cái	01	27.000	27.000
12	Máy nạp/khử từ 3M 942	Cái	01	27.000	27.000
13	Máy photocopy các loại	Cái	02	521.000	1.042.000
14	Máy tính để bàn	Bộ	129	26.000	3.354.000
15	Máy tính xách tay	Bộ	01	15.000	15.000
16	Micro đại biểu HCS 3655D	Cái	12	12.000	144.000
17	Ti vi	Cái	22	46.000	1.012.000
18	Cổng từ 3M 3501	Cái	01	11.000	11.000
19	Hệ thống Đèn chiếu sáng sân vườn	Bộ	01	54.000	54.000
20	Case máy tính	Chiếc	02	21.000	42.000
21	Máy Giặt TOSIBA 9700	Cái	01	122.000	122.000
22	Máy hiện sóng PS 400 đài Loan	Cái	01	35.000	35.000
23	Máy scan Epson	Chiếc	01	24.000	24.000
24	Máy ken ảnh Espon	Cái	02	24.000	48.000
25	Máy in các loại	Cái	14	24.000	336.000
26	Máy quét mã vạch	Cái	01	24.000	24.000
27	Màn hình máy tính	Chiếc	01	24.000	24.000
28	Quạt cây công nghiệp	Cái	02	24.000	48.000
29	Quạt trần/Quạt trần đảo	Chiếc	51	24.000	1.224.000
30	Quạt treo tường	Chiếc	72	24.000	1.728.000
31	Tủ đông sanaky	Cái	01	133.000	133.000
32	Tủ mát Sanaky VH250KV	Cái	01	133.000	133.000
33	Tủ lạnh Funiki	Cái	02	133.000	266.000
34	Bàn là hơi điện Siha Star	Cái	06	14.000	84.000
35	Bếp ga du lịch	cái	05	25.000	125.000

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
36	Bếp ga Palama	Cái	01	25.000	25.000
37	Bình ắc quy 60AH	Bình	02	25.000	50.000
38	Bình cứu hỏa	Cái	03	25.000	75.000
39	Lò vi sóng	Cái	01	25.000	25.000
40	Lưu điện	Cái	03	25.000	75.000
41	Máy cắt gạch	Chiếc	01	26.000	26.000
42	Máy cắt giấy	Cái	01	26.000	26.000
43	Máy điện châm	Cái	01	26.000	26.000
44	Máy quang kế ngọn lửa TQ	Bộ	01	26.000	26.000
45	Máy xay cầm tay PHILIP HR1604	Chiếc	01	26.000	26.000
46	Ổn áp lioa	Cái	02	30.000	60.000
47	Thiết bị biến đổi số/tương tự	Bộ	06	17.000	102.000
48	Thiết bị biến đổi tương tự/số	Bộ	06	17.000	102.000
49	Thiết bị vào/ra số	Bộ	06	17.000	102.000
50	Thiết bị mạng truyền thông gồm:	Bộ	01	6.000	6.000
51	Cisco Catalyst	Cái	01	6.000	6.000
52	CAT 3560	Cái	01	6.000	6.000
53	Catalyst 3K	Cái	01	6.000	6.000
	Mô hình thực tập				
1	Bộ khảo sát tính chất của Transistor 110309	Bộ	01	21.000	21.000
2	Bộ khảo sát tính chất của Transistor 110314	Bộ	01	21.000	21.000
3	Chế tạo robot	Bộ	01	403.000	403.000
4	Hệ thống đánh lửa HPZ-2002D	Bộ	01	30.000	30.000
5	Mô hình kho lạnh	Cái	01	152.000	152.000
6	Nồi hơi (lò hơi)	Cái	01	249.000	249.000
7	Thiết bị khảo sát phun xăng điện tử	Bộ	01	28.000	28.000
8	Máy dán vi mạch tự động đa năng do tập đoàn Hồng Hải tặng	Cái	01	358.000	358.000
9	Máy hàn bằng sóng siêu âm do tập đoàn Hồng Hải tặng	Cái	01	358.000	358.000
10	Lò hàn hồi lưu do tập đoàn Hồng Hải tặng	Cái	01	4.988.000	4.988.000
11	Khảo sát hiện tượng quang điện ngoài. Xác định hằng số PlancK.	Cái	01	115.000	115.000
12	Khảo sát hiện tượng quang điện ngoài. Xác định hằng số PlancK.	Cái	01	115.000	115.000
13	Khảo sát hiện tượng giao thoa ánh sáng cho bởi khe Young. Xác định bước sóng của tia Laser.	Cái	01	115.000	115.000
14	Khảo sát chuyển động của electron trong điện trường và từ trường. Xác định điện tích riêng của electron.	Cái	01	115.000	115.000
15	Tủ đông gió	Cái	01	202.000	202.000
16	Bộ phân tích các bon lưu huỳnh TQ	Bộ	01	58.000	58.000
17	Hệ thống khởi động trên xe Yaris	Cái	01	138.000	138.000
18	Kho lạnh	Bộ	01	388.000	388.000
19	Máy mài 2 đá mini	Chiếc	01	96.000	96.000
20	Bộ cảm ứng nhiệt điện từ Italia	Bộ	02	37.000	74.000
21	Bộ nguồn AC-DC	Bộ	01	56.000	56.000

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
22	Bộ nguồn xoay chiều	Bộ	02	56.000	112.000
23	Bộ phân loại và đóng gói SP	Bộ	03	97.000	291.000
24	Bộ phân loại và vc sp bằng máy CN	Bộ	04	97.000	388.000
25	Bộ TN đa năng	Bộ	01	72.000	72.000
26	Mô hình hệ thống chiếu sáng (đề tài TN)	Bộ	01	152.000	152.000
27	Mô hình hệ thống điều khiển gương, gạt nước, phun nước, nâng hạ kính	Bộ	01	152.000	152.000
28	Mô hình mạch hệ thống khởi động trên xe Toyota Hiace 2007	Cái	01	44.000	44.000
29	Mô hình thiết bị kiểm tra kim phun	Cái	01	67.000	67.000
30	Mô hình thực hành VĐK AVR điều khiển đo nhiệt độ	Bộ	01	33.000	33.000
31	Mô hình thực hành VĐK AVR điều khiển động cơ bước	Bộ	01	33.000	33.000
32	Mô hình thực hành VĐK AVR điều khiển giao tiếp LCD	Bộ	01	33.000	33.000
33	Mô hình thực hành VĐK AVR điều khiển led 7 thanh	Bộ	01	33.000	33.000
34	Mô hình thực hành VĐK AVR điều khiển dãy led	Bộ	01	33.000	33.000
35	Mô hình thực hành VĐK AVR điều khiển động cơ 1 chiều	Bộ	01	33.000	33.000
36	Trạm cấp phôi	Cái	02	556.000	1.112.000
37	Trạm đo kiểm MCS	Cái	02	556.000	1.112.000
38	Trạm gia công MCS	Cái	02	556.000	1.112.000
39	Trạm lưu trữ băng trượt	Cái	02	556.000	1.112.000
40	Trạm phân loại chi tiết SORT - 3	Cái	02	556.000	1.112.000
41	Trạm VC chi tiết gia công TRAN - 3	Cái	03	556.000	1.668.000
42	Trạm VC khớp quay	Cái	02	556.000	1.112.000
43	Vật tư chế tạo kho hàng TM	Bộ	05	445.000	2.225.000
	Dụng cụ phế liệu thu hồi				
1	Đồng vàng D80	Kg	43	167.000	7.181.000
2	Ghế gấp Hoà Phát/Xuân Hòa	Chiếc	223	10.000	2.230.000
3	Ghế Inox tròn các loại	Cái	158	10.000	1.580.000
4	Ghế khung thép mạ crôm (mã GPC02-4HP)	Chiếc	03	10.000	30.000
5	Thép D20	Kg	107,5	6.000	645.000
6	Thép D65	Kg	200	6.000	1.200.000
7	Thép D90	Kg	100	6.000	600.000
8	Tôn đen 10 ly 1600x1900mm	Tấm	06	6.000	36.000
9	Tôn đen 2 ly	Kg	45	6.000	270.000
10	Thép U160 (L=6m)	Cây	125	167.000	20.875.000
11	Bàn ghế học sinh 2100	Bộ	29	22.000	638.000
12	Bàn ghế học sinh 2300	Bộ	39	22.000	858.000
13	Bàn học sinh khung sắt mặt inox	Cái	79	22.000	1.738.000
14	Bàn khung sắt mặt đá 1.5m	Chiếc	01	22.000	22.000
15	Bàn khung sắt mặt fooc	Cái	03	22.000	66.000
16	Bàn thực tập mặt inox	Cái	41	22.000	902.000
17	Băng chuyền may	Cái	01	378.000	378.000

STT	Tên tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
18	Chân treo giá Inox	Cái	01	3.000	3.000
19	Dây cáp vặn xoắn (25m/cuộn)	m	06	2.000	12.000
20	Đe gò	Cái	13	142.000	1.846.000
21	Đe thuyền	Cái	02	142.000	284.000
22	Dụng cụ thực tập thanh lý	Kg	50	3.000	150.000
23	Ê tô	Chiếc	61	278.000	16.958.000
24	Ghế học sinh (tự chế 1 x 0,25)	Cái	99	3.000	297.000
25	Kéo vít cần Giải Phóng	Chiếc	01	334.000	334.000
26	Tủ đựng thiết bị công suất 15U(VN)	Cái	01	17.000	17.000
27	Tủ đựng dụng cụ 2 cánh	Cái	05	17.000	85.000
28	Tủ đựng dụng cụ sắt 4 cánh	Cái	02	22.000	44.000
29	Tủ đựng tài liệu 2 cánh	Chiếc	03	22.000	66.000
30	Tủ sắt nhỏ	Cái	01	17.000	17.000
31	Xe bò cải tiến	Cái	01	28.000	28.000
32	Bộ nguồn thủy lực	Bộ	03	26.000	78.000
33	Buồng hàn	Chiếc	04	222.000	888.000
34	Bàn nguội	Chiếc	06	50.000	300.000
35	Cẩu	Chiếc	01	3.000	3.000
36	Hồi	Cái	720	3.000	2.160.000
37	Thép hộp 25x50	Thanh	336	3.000	1.008.000
38	Thép hộp 25x25	Thanh	352	2.000	704.000
39	Thanh +	Cái	279	3.000	837.000
40	Cửa thép hộp (1,2m x 2,2m)	Bộ	11	56.000	616.000
41	Cột thép (thép U160 hàn gia cố)	Cái	06	667.000	4.002.000
42	Vì kèo (thép L75, L63, L50 hàn gia cố)	Cái	07	723.000	5.061.000
43	Cánh cửa thép hộp (2,5m x 3,4m)	Bộ	04	72.000	288.000
44	Dây điện từ thu hồi	Kg	216	72.000	15.552.000
45	Dây điện vụn thu hồi	Kg	156	52.000	8.112.000
46	Phôi đã hàn, phôi đã tiện	Kg	3837	3.000	11.511.000
	Sách giáo trình cũ				
1	Sách giáo trình cũ	Cuốn	59276	540	32.009.040
	Tổng cộng				**465.814.040**
	Làm tròn				**465.814.000**

(bằng chữ: bốn trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng)